

# Một số hướng nghiên cứu về kĩ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho sinh viên sư phạm mầm non trong giai đoạn hiện nay

Nguyễn Thị Huyền

Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội  
Số 98 phố Dương Quang Hàm, Cầu Giấy,  
Hà Nội, Việt Nam  
Email: nhtuyen2@daihocthudo.edu.vn

**TÓM TẮT:** Vui chơi là hoạt động không thể thiếu được của trẻ ở mọi lứa tuổi, đặc biệt ở lứa tuổi mầm non. Qua vui chơi, không những hình thành cho trẻ óc tưởng tượng sáng tạo, phát triển ngôn ngữ và tăng cường khả năng nhận thức mà còn giúp trẻ thể hiện năng lực, kĩ năng, tình cảm, nguyện vọng và mối liên hệ với những người xung quanh. Chỉ khi chơi, trẻ mới tích cực tìm hiểu sự vật để thoả mãn nhu cầu nhận thức. Chơi là một cách để trẻ học, là con đường để giúp trẻ lớn lên và phát triển nhân cách toàn diện. Có rất nhiều công trình nghiên cứu về hoạt động vui chơi của các nhà khoa học trên thế giới và trong nước. Bài báo tập tìm hiểu những công trình nghiên cứu về hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo để tìm ra biện pháp phát triển kĩ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho sinh viên sư phạm mầm non nhằm nâng cao năng lực, hứng thú và tính sáng tạo của sinh viên.

**TỪ KHÓA:** Hoạt động vui chơi; phát triển kĩ năng; sư phạm mầm non.

→ Nhận bài 23/7/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 17/10/2020 → Duyệt đăng 10/5/2021.

## 1. Đặt vấn đề

Chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo (MG), là phương tiện giúp phát triển toàn diện. Khi chơi, trẻ không những được đáp ứng nhu cầu của mình là được sống và làm việc như người lớn mà còn thoả mãn nhu cầu chơi cùng nhau với nhóm bạn bè, nhu cầu khám phá thế giới xung quanh, qua đó trẻ học làm người. Những trải nghiệm chân thực trong trò chơi đã giúp trẻ tự tin hơn, mạnh dạn hơn và tích cực hơn trong sinh hoạt hàng ngày. Với trẻ nhỏ “Học bằng chơi, chơi mà học”, thông qua chơi, trẻ tích lũy kinh nghiệm, kiến thức và rèn luyện kĩ năng (KN) sống cho mình. “Chơi là trường học của cuộc sống”.

Phát triển KN tổ chức (KNTC) hoạt động vui chơi (HĐVC) cho trẻ là một trong những KN quan trọng của giáo viên (GV) mầm non (MN) khi tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục (GD) trẻ. Bởi vì, sự phát triển KN chơi của trẻ ở lứa tuổi này đóng vai trò quan trọng, làm phương tiện cho các hoạt động khác ở lứa tuổi MN. Trong đào tạo GV MN, việc rèn luyện các KN sư phạm nói chung, đặc biệt là KNTC HĐVC cho trẻ là rất cần thiết. Điều đó được thể hiện qua các nghiên cứu của các tác giả ngoài nước và trong nước, trong các nghiên cứu của những nhà Tâm lí học và GD học nổi tiếng. Trong quá trình học tập cũng như thực hành tại các trường MN, sinh viên (SV) đã nắm được hệ thống các KN sơ đẳng khi tổ chức các hoạt động chăm sóc GD trẻ nói chung và HĐVC nói riêng trên cơ sở áp dụng các tri thức đã học. Tuy vậy, giờ vui chơi của trẻ đôi khi mang tính rập khuôn, nghĩa vụ, không thể hiện

đúng bản chất của vui chơi. Vì vậy, để phát huy được vai trò chủ đạo của HĐVC đối với sự phát triển toàn diện của trẻ thì mỗi GV không chỉ nắm được các KN sơ đẳng mà còn cần thể hiện được năng lực của mình trong mỗi hoạt động. Đó là thể hiện thái độ, cảm xúc, vai trò của mình một cách hiệu quả nhất khi tham gia chơi cùng trẻ. Vì vậy, phát triển KNTC HĐVC cho SV trong các trường sư phạm MN là yếu tố vô cùng quan trọng. Từ những nghiên cứu về lí luận và thực tiễn trên trong GD MN, chúng tôi đề cập đến vấn đề phát triển KNTC HĐVC cho SV sư phạm MN trong giai đoạn hiện nay để nghiên cứu và phát triển. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi tập trung vào nghiên cứu của những nhà khoa học về HĐVC và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của trẻ.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Hướng nghiên cứu về kĩ năng tổ chức hoạt động vui chơi trên thế giới

#### 2.1.1. Nghiên cứu về kĩ năng sư phạm nói chung

Vấn đề KN nghề nghiệp đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm từ rất lâu. Từ thời Hi Lạp cổ đại đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều sách vở nói về vấn đề này. Nghiên cứu về KN sư phạm, các tác giả G.X. Catxchuc, M.A. Menchinxkaia... đều thống nhất đánh giá vai trò của KN trong hoạt động sư phạm của GV là vô cùng quan trọng. Trong các công trình nghiên cứu về KN hoạt động sư phạm, K.I. Kixegof đã phân tích khá sâu về KN. Khi tiến hành thực nghiệm hình thành KN ở SV sư phạm, ông đã đưa ra ý kiến:

“KN hoạt động sư phạm có đối tượng là con người. Hoạt động sư phạm rất phức tạp, đòi hỏi sự sáng tạo, không thể hoạt động theo khuôn mẫu cứng nhắc. KN hoạt động sư phạm một mặt đòi hỏi tính nghiêm túc, mặt khác đòi hỏi tính mềm dẻo”. Trong đó, ông phân biệt hai KN, đó là KN bậc thấp và KN bậc cao. Trong tác phẩm “Nghề của tôi - GV MN”, tác giả V.P. Smuch đã nhấn mạnh rằng: Để hình thành KN sư phạm, vấn đề quan trọng là phải có tình cảm, hứng thú đến với nó mới làm cho quá trình rèn luyện rút ngắn và đỡ tiêu hao sức lực. Tác giả V. A. Xlaxtrenhin trong tác phẩm “Hình thành nhân cách người GV trong quá trình đào tạo nghề sư phạm” đã chỉ ra các KN cần hình thành để GV có được những năng lực cần thiết. Các tác giả L.G.Xemusina và E.A. Panco nghiên cứu về KN và kỹ xảo nghề nghiệp của GV MN cũng đã cho thấy những đặc thù của KN nghề GV MN.

Tất cả các nhà nghiên cứu đều thống nhất đánh giá vai trò quan trọng của KN trong mọi lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là những KN sư phạm của nhà giáo. Những KN này phải được hình thành trong khi đang học tập tại trường sư phạm. Những quan điểm trên cho ta thấy một cách cơ bản và toàn diện hơn về quá trình hình thành KN sư phạm cho GV tương lai.

### **2.1.2. Nghiên cứu về kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non của giáo viên mầm non**

Khi nghiên cứu về KNTC, L.T.Tuptia đã nêu những KN chủ đạo của hoạt động tổ chức là: KNTC tập thể và các mối quan hệ bên trong tập thể, KN thống nhất công việc của cá nhân và công việc của tập thể, KN phối hợp hoạt động, KN kiểm tra, đánh giá, KN tính toán phương pháp tổ chức và ra chỉ thị kịp thời. Các tác giả nghiên cứu về KNTC HĐVC của GV MN như L.G.Xemusina và E.A. Panco, M.A. Menchinxkaia... chỉ ra rằng, cần xây dựng những bài tập để người học được tập cho đến mức thành thục các bước, nắm được nhu cầu chơi của trẻ... Theo V.V. Tseburseva, KNTC là KN lường trước và tạo ra những điều kiện cần thiết để thực hiện và đặt ra kế hoạch thực hiện có kết quả nhiệm vụ lao động đề ra.

### **2.1.3. Nghiên cứu về kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho sinh viên sư phạm mầm non**

Về KNTC hoạt động được nhiều tác giả phương Tây chú ý nghiên cứu từ những năm đầu của thế kỷ XX. F.W. Taylo cùng các đồng sự cho rằng, tổ chức càng hoạch định và thực hiện càng hợp lý bao nhiêu thì càng có khả năng phát triển để tạo nên hiệu quả trong quản lý bấy nhiêu và kết quả là sản xuất phát triển. Quan điểm này của tác giả cho thấy vai trò của việc hiểu, nắm vững cách thức lập kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch trong hoạt động tổ chức là vô cùng quan trọng. Nhưng xuất

phát từ quan điểm sai lầm về con người, coi họ là những cỗ máy được nhà lãnh đạo vận hành, đòi người được cấu tạo bởi các chuỗi hành vi, cuộc đời con người chỉ là sự lựa chọn hành vi tốt nhất để thích ứng với môi trường, Taylo đã tách tổ chức khỏi những mối quan hệ xã hội của con người. Chính vì vậy, quan điểm của ông đã bị bác bỏ khi quan điểm về hoạt động của trường phái Macxit ra đời [1, tr.121].

Trái ngược với quan điểm của F.W. Taylo, vào những năm 20 - 30, trào lưu "Những mối quan hệ người" do Elton Mayo khởi xướng cho rằng, những trung tâm sức mạnh thực sự bên trong của một tổ chức chính là những mối quan hệ liên nhân cách được phát triển trong nội bộ đơn vị làm việc. Nghiên cứu mối quan hệ người này là việc quan trọng nhất đối với quản lý và sự phát triển của tổ chức [1, tr.122-124]. Với quan điểm này, rất nhiều nhà lãnh đạo đã vận dụng trong quá trình khai thác nguồn lực từ nhân viên trong mỗi quan hệ của chính họ. Trong những thập kỷ gần đây, các nhà tâm lý, xã hội học phương Tây đi sâu nghiên cứu về năng lực lãnh đạo, trong đó có KN lãnh đạo như các tác giả: W. Benis, Mc. Call&Lombardo, R. Liker, R. Rbalke, G.A. Yulk, G. Courtois, A. Makenzic...

Từ những năm 70 trở lại đây, các nhà tâm lý học Liên Xô (cũ) chú ý nhiều đến hoạt động tổ chức và KNTC. P.M.Kecgienchev đã nêu 7 yếu tố của công tác tổ chức là: mục tiêu, loại hình tổ chức, phương pháp tổ chức, con người, phương tiện vật chất, thời gian và kiểm tra. Đây là công trình nghiên cứu ở tầm vĩ mô mà nhiều ngành, nhiều lĩnh vực có thể tham khảo, vận dụng... Kết quả nghiên cứu của ông được vận dụng cho việc nghiên cứu hoạt động tổ chức, KNTC trong các lĩnh vực khác nhau. N.V. Cudomina đưa ra cấu trúc tâm lý hoạt động của người GV, trong đó bà cho rằng, hoạt động tổ chức là thành phần tất yếu trong hoạt động sư phạm [2, tr.79]. L.T.Tiuptia (1987) đã đề cập đến KNTC với tư cách là một hoạt động độc lập tương đối. Tác giả cho rằng, hoạt động tổ chức bao gồm nhiều khâu, nhiều giai đoạn, là hoạt động chuyên biệt của người đứng đầu tập thể nhưng không tách khỏi các hoạt động khác như lao động, học tập do tập thể tiến hành. Về hoạt động tổ chức cũng như KNTC còn được nhiều tác giả khác quan tâm nghiên cứu như: B.M. Teplôv (1961), N.D. Lêvitôv (1963), L.I. Bogiovich (1969), P.A. Rudich (1971), A.G. Côvaliôv (1971), A.I. Serbacôv (1979) v.v...

Về trò chơi, nhiều tác giả đề cập đến như: J.J. Ruxô (1712 - 1778), I.G. Pexalôxi (1746 - 1827), R.Ouen (1771-1858), S. Phurie (1772 - 1837)... Nhưng nhìn chung, từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, các tác giả chỉ đề cập chủ yếu đến vai trò của trò chơi khi nghiên cứu các vấn đề của triết học hay các vấn đề khác của xã hội học, của GD học. Trò chơi trở thành đối tượng nghiên

cứu của tâm lí học chỉ được thực sự bắt đầu từ đầu TK XX, đặc biệt trong những thập kỉ gần đây. Điềm qua lịch sử nghiên về trò chơi hơn 100 năm qua, chúng tôi thấy có những quan điểm chính sau đây:

*Quan điểm sinh học:* Theo quan điểm này, có các thuyết: thuyết năng lượng dư thừa, thuyết thư giãn, thuyết di truyền sinh học, thuyết luyện tập. Quan điểm sinh học về trò chơi mở đầu cho việc nghiên cứu về bản chất, nguồn gốc của trò chơi. Những thuyết đó có xu hướng đơn giản hóa, sinh vật hóa HĐVC của trẻ, đánh đồng trò chơi của con người với các hành vi bản năng của động vật và chỉ giới hạn xem xét trò chơi trẻ em ở phương diện cá thể. Họ cho rằng, chơi là thể hiện bản năng, là để giải phóng năng lượng dư thừa chứ không có ý nghĩa gì khác. Trong thực tế, trò chơi trẻ em là một hoạt động rất đa dạng, phong phú, phản ánh các mối quan hệ xã hội giữa cá nhân với cá nhân, với nhóm và xã hội thu nhỏ. Trò chơi của trẻ vừa mang đặc điểm lứa tuổi, nhu cầu, giới tính, đặc điểm sinh lí của một cá thể, đồng thời nó vừa mang đặc điểm của nền văn hóa xã hội (sở thích, thói quen, hệ thống các niềm tin, nếp sống, truyền thống, vốn tri thức, KN...) của một gia đình, nhà trường và môi trường xã hội của một dân tộc, một quốc gia. Thông qua trò chơi, vai chơi và những mối quan hệ giúp trẻ học cách làm người.

*Quan điểm chủ quan cá thể:* Theo quan điểm này, có các thuyết sau: thuyết phân tâm học về trò chơi, thuyết cấu trúc, thuyết "thức tỉnh tìm kiếm". Quan điểm chủ quan cá thể về trò chơi phần nào hạn chế được xu hướng đơn giản hóa và sinh vật hóa hoạt động chơi của trẻ theo quan điểm sinh học. Nhưng quan điểm này nhấn mạnh đến sắc thái tình cảm và nhu cầu nội tại của đứa trẻ mà bỏ qua tính lịch sử xã hội của trò chơi. Các tác giả theo quan điểm này cũng chưa đánh giá hoạt động chơi như một hình thức, phương tiện GD trẻ. Quan điểm này không những làm mất đi bản chất của trò chơi mà còn khiến cho trò chơi trở nên cứng nhắc, thiếu sự hấp dẫn với trẻ.

*Quan điểm bản chất xã hội của trò chơi:* Người đầu tiên đưa ra quan điểm này là nhà triết học người Đức V.Vunt (1887). Ông viết: "Trò chơi đó là lao động của trẻ nhỏ. Không có một trò chơi nào lại không có trong mình một nguyên mẫu một trong dạng lao động nghiêm túc" [3, tr.17]. Quan điểm này bước đầu khẳng định tính xã hội của trò chơi: trò chơi trẻ em xuất phát từ lao động, bắt chước hành động lao động của người lớn, trẻ học cách sử dụng những công cụ, phát triển nhận thức, ngôn ngữ, trẻ học cách làm người. Đầu thế kỉ XX, khi phê phán những quan điểm cho rằng, trò chơi ra đời trước lao động, G.V.Plêkhanôv đã khẳng định, trò chơi xuất hiện trước lao động và trên cơ sở của lao động. Khác với những quan điểm trước đó, Plêkhanôv cho rằng, trò chơi là một hoạt động phản ánh, thông qua

trò chơi, trẻ lĩnh hội những KN lao động đơn giản, thói quen và các nguyên tắc ứng xử của người lớn trong xã hội. Từ đó, ông đi đến kết luận: Trò chơi mang bản chất xã hội, nó xuất hiện để đáp ứng với xã hội mà trẻ đang sống và nhu cầu được trở thành thành viên tích cực của xã hội đó [3, tr.17].

Theo quan điểm bản chất xã hội của trò chơi, trong những năm đầu của thế kỉ XX, M.Ia. Baxôv viết: "Đặc điểm quá trình chơi dựa trên những đặc điểm của mối quan hệ qua lại giữa cá nhân và môi trường. Trên cơ sở đó, trò chơi xuất hiện". Lần đầu tiên, Baxôv đưa ra nhận xét: "Cái mà thúc đẩy hành vi chơi của trẻ là quá trình hoạt động của người lớn chứ không phải là hoạt động của họ" (1931) hay P.P. Blônxki đã đưa ra khái niệm trò chơi, ông cho rằng, thuật ngữ "trò chơi" liên quan đến nhiều dạng hoạt động khác nhau. Những dạng hoạt động kết hợp với thuật ngữ "Trò chơi", theo ông đó là: Trò chơi giả vờ, trò chơi xây dựng, trò chơi bắt chước, trò chơi đóng kịch, trò chơi vận động, trò chơi trí tuệ. Blônxki khẳng định, một trong những vấn đề trung tâm của cơ chế tâm lí mà đứa trẻ tiếp nhận cho mình là những vai của người lớn, trẻ ướm mình vào vai của người lớn để bắt chước những hành động và chức năng xã hội của họ. Ví dụ như: bác sĩ khám cho bệnh nhân, cô giáo dạy học, bác bán hàng thực hiện những chức năng mua - bán... Tư tưởng này của ông cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị về mặt lí luận cũng như thực tiễn. Người có công lớn đặt nền móng cho cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu trò chơi không thể không kể đến nhà tâm lí học kiệt xuất Xô - Việt. L.X.Vugôtxki (1896 - 1934). Kế thừa quan điểm của Plêkhanôv, L.X. Vugôtxki đã khởi xướng xây dựng một học thuyết mới về tâm lí học trẻ em nói chung và về trò chơi nói riêng. Những luận điểm cơ bản trong học thuyết Vugôtxki về trò chơi bao gồm những vấn đề sau:

Thứ nhất: Khẳng định bản chất xã hội và tính hiện thực của trò chơi trẻ em.

Thứ hai: Khẳng định vai trò trung tâm của trò chơi đối với sự phát triển tâm lí trẻ. Chính trò chơi là động lực phát triển và tạo ra "vùng phát triển gần".

Thứ ba: Trò chơi trẻ em không nảy sinh một cách tự phát mà do ảnh hưởng có ý thức và không có ý thức từ phía người lớn xung quanh.

Thứ tư: Sự cần thiết phải vận dụng phương pháp phân tích, xác định "Cấu trúc đơn vị" của C.Mác vào nghiên cứu các chức năng tâm lí, trong đó có việc nghiên cứu trò chơi.

Thứ năm: Không nên dừng lại ở nghiên cứu quan sát mà cần thiết phải tổ chức các nghiên cứu thực nghiệm về trò chơi [3].

Nghiên cứu về bản chất, nguồn gốc xã hội của trò chơi trên cơ sở những luận điểm của L.X. Vugôtxki trong những năm 40 có các tác giả: Ph.I. Phratkina



(1946), A.N. Lêônchiev (1948), P.A. Rudic (1948). Có thể nói, trong nửa đầu của thế kỉ XX, các nhà tâm lí học, GD học Xô - Viết đã tập trung nghiên cứu những vấn đề khái quát về trò chơi. Các tác giả đã chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, xác định cấu trúc tâm lí của trò chơi, khẳng định vui chơi là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi MN và chỉ ra những đặc điểm đặc trưng cơ bản của trò chơi trẻ em, đặc biệt là trò chơi đóng vai theo chủ đề. Đó là: tính biểu trưng, tính khái quát, tính giản lược, tính chủ động, tính tự lập, tính tự nguyện... Trong thời kì này, các tác giả có đề cập đến những vấn đề cụ thể của trò chơi như: A.I. Giucôpxki về vai trò của trò chơi trong phát triển và GD thể lực (1913), A.P. Uxôva về đặc điểm của trò chơi sáng tạo và những nguyên tắc hướng dẫn chúng (1947), L.X. Xlavina về sự phát triển động cơ của hành động chơi ở lứa tuổi tiền học đường (1948)... Nhưng nhìn chung, hướng nghiên cứu cụ thể chưa được quan tâm nghiên cứu một cách cơ bản. Các nghiên cứu mới dừng lại ở nêu ra bản chất, ý nghĩa và vai trò của hoạt động vui chơi với sự phát triển của trẻ. Tuy nhiên, đây cũng là những nghiên cứu mà tính thực tiễn của chúng vẫn được đề cập ở những nghiên cứu sau này. Chỉ sau những năm 50, đặc biệt là những thập kỉ gần đây, các nhà tâm lí học, GD học Liên Xô (cũ) và ngày nay là các nước SNG nghiên cứu sâu về những vấn đề cụ thể của trò chơi như sau:

- Đặc điểm các loại trò chơi trẻ em: Z.M. Boguxlapxkaia (1955), G.L. Vurgôtkaia (1966), N.Ia. Mikhailencô (1975), A.K. Bônđarencô (1991), E.O. Xmirnôva (1991)...

- Vai trò của trò chơi: Đ.B. Elcônhin (1965, 1966, 1975), A.B. Tercova (1963) ...

- Các điều kiện, phương pháp, biện pháp tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi ở các lứa tuổi: Đây là hướng trọng tâm thu hút rất nhiều các nhà tâm lí học, GD học nghiên cứu như: I.A. Xakôlôpva (1973), N.Ia. Mikhailencô (1975), A.M. Maxacôv, G.A. Gumacôva (1979), P.G. Xamarucôva, B.I. Lôginôva (1983), E.B. Zvôrugina (1986, 1987, 1989) L.A. Venger, O.M. Diatrencô (1989), X.L. Nôvôxelôva (1989), L.V. Archemôva (1992), X.P. Baranôv (1998), C.A. Kazlôva (1998), G.A. Uruntaeva, Iu.A. Aphônika (1998)... Xu hướng này không chỉ thu hút các tác giả thuộc SNG hiện nay (Liên Xô cũ trước đây), mà còn được rất nhiều các nhà tâm lí học, GD học phương Tây quan tâm như: J. Waters (1981), P.K. Smith (1985), Elizabeth Jones (1992)... Mặc dù có những quan điểm khác nhau trong nhìn nhận về khái niệm, bản chất, nguồn gốc của trò chơi, nhìn chung các tác giả đều nhất trí đánh giá vai trò trung tâm của trò chơi trong việc hình thành và phát triển nhân cách, có

những tác động tích cực trong GD trẻ trước tuổi đi học. Trên cơ sở đó, họ tìm kiếm những phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức thích hợp để đạt hiệu quả cao nhất trong việc phát triển nhân cách đứa trẻ.

Như vậy, hầu hết các tác giả đều thể hiện rõ những vai trò của HĐVC đối với sự phát triển của trẻ MG. Đồng thời, các tác giả cũng đã chỉ ra những KN cần thiết của GV MN khi tổ chức HĐVC cho trẻ. Việc phải tìm hiểu về nhu cầu, đặc điểm chơi của trẻ, những quy trình và biện pháp cụ thể để hình thành và phát triển KNTC HĐVC cho SV sư phạm MN là yêu cầu thiết yếu mà tác giả sẽ nghiên cứu trong những bài tiếp theo của mình.

## **2.2. Hướng nghiên cứu về kĩ năng tổ chức hoạt động vui chơi ở Việt Nam**

### **2.2.1. Nghiên cứu về kĩ năng sư phạm nói chung**

Vấn đề nghiên cứu KN trong những năm gần đây thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và phần lớn các nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu KN trong một hoạt động cụ thể. Có thể điểm qua những nghiên cứu của các tác giả về hướng này như sau:

Các tác giả Nguyễn Như An, Đặng Vũ Hoạt, Trần Anh Tuấn... đã nghiên cứu làm rõ các khái niệm về KN, KN lao động, hệ thống KN sư phạm, KNTC ... chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa chúng với đòi hỏi của nghề nghiệp cho SV. Khi nghiên cứu về KN lao động công nghiệp, tác giả Trần Trọng Thủy đã bàn về khái niệm KN, các điều kiện hình thành KN lao động. Tác giả Nguyễn Hữu Dũng quan tâm hơn đến việc hình thành KN sư phạm cho SV sư phạm. Ông đưa ra sự hạn chế về KN cần thiết của SV và khẳng định rằng, cần hết sức coi trọng việc hình thành KN sư phạm khi họ còn đang ngồi trên ghế nhà trường sư phạm. Các tác giả Nguyễn Văn An, Nguyễn Bảo Ngọc, Ngô Hiệu, Ngô Văn Tranh, Đặng Vũ Hoạt... đã nghiên cứu KN hoạt động sư phạm. Các tác giả đều nhấn mạnh quy trình hình thành KN sư phạm cho SV các trường sư phạm. Từ những nghiên cứu của các tác giả đã cho thấy vai trò của KN sư phạm của GV là hết sức quan trọng. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GD và khả năng phát triển của trẻ. Vì vậy, việc rèn luyện và phát triển KN ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường sư phạm là yêu cầu cấp thiết mà mỗi SV cần phải được ý thức rõ.

### **2.2.2. Nghiên cứu về kĩ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non**

Trong lịch sử phát triển tâm lí học của Việt Nam, hoạt động chơi cũng được các tác giả Việt Nam nghiên cứu trong những thập kỉ gần đây, các công trình nghiên cứu về KN trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể được các

nhà tâm lý học, GD học Việt Nam quan tâm: Nghiên cứu KN lao động (Trần Trọng Thủy, Nguyễn Minh Đường, Nguyễn Tiến Dũng, Lê Trần Lâm, Đỗ Huân, Vũ Hữu); Nghiên cứu KN sư phạm (Nguyễn Như An, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Ngọc Bảo, Ngô Công Hoàn...); Nghiên cứu KN giao tiếp (Nguyễn Thạch, Hoàng Anh...); nghiên cứu KNTC trò chơi (Trần Quốc Thành); Nghiên cứu KN học tập của SV (Hà Thị Đức, Trần Quốc Thành)... Những công trình nghiên cứu của các tác giả Việt Nam đã phần nào đóng góp vào lý luận và vận dụng vào thực tiễn trong nước, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Các tác giả đã xây dựng được hệ thống những KN cần có của người GV MN khi tổ chức HĐVC cho trẻ MN để giúp tác giả có cơ sở để xây dựng nên những biện pháp nhằm rèn luyện và phát triển KNTC HĐVC cho SV sư phạm MN.

### 2.2.3. Nghiên cứu về kĩ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho sinh viên sư phạm mầm non

Trong cuốn "Hướng dẫn tổ chức HĐVC" của Nguyễn Thị Ngọc Chúc (1981), tác giả đã đề cập đến các loại trò chơi, mức độ các mối quan hệ trong trò chơi. Đó là: Chơi không có tổ chức, chơi một mình, chơi cạnh nhau, chơi với nhau trong một thời gian ngắn, chơi với nhau lâu trên cơ sở hứng thú với nội dung chơi, hành động chơi và sự hấp dẫn của đồ chơi. Tác giả khẳng định kết quả của hai mức độ cuối phụ thuộc vào KN hướng dẫn trẻ chơi của mỗi GV, cách thức tiến hành, nội dung chơi, xử lý các tình huống và những cái mới trong trò chơi. Từ đó, tác giả trình bày rất cụ thể về vai trò của GV trong tổ chức hoạt động chơi và trình tự cách tiến hành hoạt động chơi [4, tr.17]. Tuy nhiên, tác giả chưa đưa ra được quy trình hay biện pháp cụ thể để rèn luyện và phát triển KNTC HĐVC cho trẻ GV.

Trong tác phẩm "GD trẻ MG trong nhóm bạn bè", "Tâm lý học trẻ em lứa tuổi MN" (1994), tác giả Nguyễn Ánh Tuyết đã phân tích rất cụ thể bản chất xã hội của trò chơi, cấu trúc, đặc điểm hoạt động chơi của trẻ. Tác giả chỉ ra rằng, bản chất xã hội của trò chơi trẻ em cũng là sự tác động tích cực của người lớn lên trò chơi của trẻ, việc sử dụng trò chơi như một phương tiện GD trẻ quan trọng. Trên cơ sở đó, trong "Vấn đề vui chơi của trẻ ở lứa tuổi MN" (1991) và các bài báo đăng trên Tạp chí Nghiên cứu GD trong thời gian gần đây, tác giả Nguyễn Ánh Tuyết đã đề cập nhiều đến vấn đề trò chơi là trung tâm trong việc GD trẻ theo cách tiếp cận tích hợp - cách tiếp cận mà hiện nay đang được vận dụng tích cực trong thực tiễn GD MN. Tác giả Đào Thanh Âm trong bài báo "Bàn về phương pháp tổ chức hướng dẫn HĐVC cho trẻ MG" [5, tr.12] đã khẳng định: Cô giáo giỏi là người biết lấy vui chơi là hoạt động trung tâm của trẻ, giúp trẻ tổ chức hoạt động đời sống hàng ngày. Hướng dẫn HĐVC cho trẻ

phải được quán triệt quan điểm khoa học GD hiện đại về GD MN, từng bước hoàn thiện những tư tưởng tiên tiến mà cốt lõi là GD trẻ em theo sự phát triển tự nhiên của lứa trẻ. Lê Minh Thuận trong "Trò chơi phân vai theo chủ đề và việc hình thành nhân cách trẻ MG" (1989) đã chỉ ra hai nguyên nhân chính của việc trẻ không biết chơi cùng nhau trong nhóm là thiếu vốn hiểu biết về môi trường xung quanh, về hoạt động của người lớn và trẻ không có KN chơi, không biết tự tổ chức chơi. Từ đó, tác giả đi đến kết luận: Việc lĩnh hội kinh nghiệm và kiến thức được thực hiện thông qua nhiều con đường như tiếp xúc với xung quanh, thông qua các giờ dạy có hệ thống là điều kiện cần thiết để giúp trẻ biết cách chơi [6, tr.25].

Trong những năm gần đây, Vụ GD MN thực hiện chuyên đề vui chơi và hiện đang triển khai chương trình đổi mới phương pháp, hình thức GD trẻ đã đem lại nhiều bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi cho trẻ lứa tuổi MG lớn [7, tr.67-173]. Tiếp nối là những thay đổi, chỉnh sửa, đổi mới những phương pháp, cách tiếp cận trong tổ chức HĐVC cho trẻ em cũng luôn được Vụ GD MN quan tâm. Chuyển từ chơi trong nhà với những góc cố định, những nội dung được lặp lại ở những buổi chơi, đó là chơi trải nghiệm ở môi trường bên ngoài, sử dụng những nguyên vật liệu thật để trẻ được thực hành....

Ngoài những tác phẩm, bài báo về HĐVC của trẻ còn nhiều luận án tiến sĩ cũng nghiên cứu vấn đề này như: Luận án Tiến sĩ của Nguyễn Thanh Hà về trò chơi phản ánh sinh hoạt của trẻ 18 - 36 tháng. Công trình đã chỉ ra được thời điểm xuất hiện trò chơi phản ánh sinh hoạt của trẻ. Luận án Tiến sĩ của các tác giả Nguyễn Xuân Thúc, Lê Xuân Hồng, Hoàng Thị Oanh cũng đề cập đến vấn đề trò chơi, [8], [5]...

Tất cả các công trình nghiên cứu trên đã cho thấy khả năng chơi, khả năng tiếp nhận kiến thức từ môi trường xung quanh thông qua HĐVC phụ thuộc rất lớn vào KNTC hoạt động, khả năng tạo tình huống và dẫn dắt vấn đề của GV trong khi chơi. Điều này cho thấy, muốn thực hiện có hiệu quả khi tổ chức HĐVC cho trẻ MG thì GV cần phải có hệ thống các KN được thực hiện một cách thành thạo. Hệ thống các KN này cần được hình thành ở SV ngay khi còn đang học ở trường sư phạm, được củng cố và ổn định ở môi trường giảng dạy sau này.

### 3. Kết luận

Như vậy, vấn đề về trò chơi và tổ chức hướng dẫn trẻ chơi rất được chú ý. Các tác giả đã nêu bật được các khái niệm, hệ thống cơ sở lý luận dựa trên thực tiễn theo nhu cầu của xã hội tại thời điểm đó. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chưa có hệ thống và việc GV tổ chức chưa được đạt được hiệu quả cao là vì chưa tìm ra được một quy

trình hợp lý rèn luyện một cách hệ thống KNTC chơi cho trẻ. Đặc biệt, chưa có một công trình nào nghiên cứu về phát triển KNTC HĐVC của GV MN cho SV theo tiếp cận năng lực. Trong quá trình học tập cũng như thực hành tại các trường MN, SV đã nắm được hệ thống các KN sơ đẳng khi tổ chức các hoạt động chăm sóc GD trẻ nói chung và HĐVC nói riêng trên cơ sở áp dụng các tri thức đã học mà chưa có sự sáng tạo, xử lý các tình huống còn máy móc, chưa biết cách thiết kế góc chơi mới, hấp dẫn hơn... Vì vậy, giờ vui chơi của trẻ đôi khi mang tính rập khuôn, nhĩa vụ, không thể

hiện đúng bản chất của vui chơi. Tuy nhiên, để phát huy được đúng vai trò chủ đạo của HĐVC đối với sự phát triển toàn diện của trẻ thì mỗi GV không chỉ nắm được các KN sơ đẳng mà còn cần thể hiện được năng lực của mình trong mỗi hoạt động. Đó là thể hiện thái độ, cảm xúc, vai trò của mình một cách hiệu quả nhất khi tham gia chơi cùng trẻ. Chính vì thế, việc nghiên cứu vấn đề này càng trở lên cần thiết, góp phần vào việc đào tạo tay nghề cho GV MN tương lai, đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn của nước ta hiện nay.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Paul Hersey, Ken Blanc Hard, (1995), *Quản lý nguồn nhân lực*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Cudomina N.V, (1976), *Sơ thảo tâm lý học lao động của người giáo viên*, Cục Đào tạo bồi dưỡng Bộ Giáo dục.
- [3] Trần Bá Cừ, (2000), *Nhận biết người qua hành vi ứng xử*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Ngọc Chúc, (1981), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động vui chơi*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Lê Xuân Hồng, (1996), *Đặc điểm giao tiếp của trẻ mẫu giáo không cùng độ tuổi*, Tóm tắt Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] Lê Minh Thuận, (1989), *Trò chơi phân vai theo chủ đề và việc hình thành nhân cách cho trẻ*, Hà Nội.
- [7] Lê Thị Ánh Tuyết, Phạm Mai Chi và các đồng sự (1999 - 2000), *Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi*, Vụ Giáo dục Mầm non, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Mầm non, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Xuân Thức, (1997), *Nghiên cứu tính tích cực giao tiếp của trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi*, Tóm tắt Luận án Phó tiến sĩ Khoa học sư phạm - Tâm lý, Hà Nội.
- [9] Phạm Minh Hạc, (2002), *Tuyển tập tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- [10] Kegienchev P.M, (1978), *Những nguyên tắc công tác tổ chức*, NXB Lao động, Hà Nội.

## SOME RESEARCHES ON ORGANIZING PLAY ACTIVITIES FOR STUDENTS OF PRESCHOOL EDUCATION MAJOR IN THE CURRENT PERIOD

### Nguyen Thi Huyen

Hanoi Metropolitan University  
98 Duong Quang Ham, Cau Giay,  
Hanoi, Vietnam  
Email: nthuyen2@daihocthudo.edu.vn

**ABSTRACT:** *Play is an indispensable activity for children of all ages, especially at preschool age. Through play, it not only creates children with creative imagination, language development and cognitive enhancement, but also helps them show their ability, skills, emotions, aspirations and relationships with people around them. Only when playing, children actively learn things to satisfy cognitive needs. Play is a way for children to learn, to help them grow and develop a comprehensive personality. There are many articles and researches about amusement activities of scientists in the world as well as in Vietnam. The paper focuses on studying the play activities for preschoolers to find ways to develop skills of organizing the play activities for students of preschool education major in order to improve their competence, interest and creativity.*

**KEYWORDS:** Play activities; skill development; preschool education.